

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C4 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122014300204 - Thi t k C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010405	35C4	Ph m V ã Bút	26/09/1993	9.0	8.0	8.0								8.3	4.2	8.0	4.0	8.2	
2	3541010420	35C4	ñ o Th ã Các	21/02/1989	4.0	6.0	6.0								5.3	2.7	4.0	2.0	4.7	
3	3541010489	35C4	ñ ng H u Công	05/08/1992	5.0	6.0	5.0								5.3	2.7	7.0	3.5	6.2	
4	3541010573	35C4	Tr n V ã C ng	24/01/1993	3.0	5.0	6.0								4.7	2.4	6.0	3.0	5.3	
5	3541010471	35C4	Lê Duy Đăng	20/04/1993	6.0	6.0	7.0								6.3	3.2	5.0	2.5	5.7	
6	3440000013	35C4	L ^a m T n Đ ã	18/12/1991	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	3541010461	35C4	Võ D	16/09/1992	0.0	3.0	3.0								2.0	1.0	2.0	1.0	2.0	
8	3541010587	35C4	Nguy n V ã ã ng	20/06/1991	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	6.0	3.0	6.7	
9	3541010501	35C4	T ã Ng c Hi n	02/01/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3541010490	35C4	Chung Th Hi n	24/02/1993	5.0	0.0	3.0								2.7	1.4	3.0	1.5	2.8	
11	3545010527	35C4	Th ¹ i B o Hong	06/06/1993	3.0	6.0	5.0								4.7	2.4	7.0	3.5	5.8	
12	3541010495	35C4	Ph m Minh Hùng	06/03/1987	2.0	6.0	5.0								4.3	2.2	5.0	2.5	4.7	
13	3440000036	35C4	Bùi Trung Ki t	17/01/1991	4.0	6.0	7.0								5.7	2.9	7.0	3.5	6.3	
14	3541010381	35C4	Nguy n H u Kha	01/12/1992	0.0	0.0	3.0								1.0	0.5	3.0	1.5	2.0	
15	3545030176	35C4	Thái Thanh Kha	26/04/1993	0.0	0.0	4.0								1.3	0.7	6.0	3.0	3.7	
16	3541010447	36C1	Nguy n H ng Lâm	26/08/1992	4.0	0.0	4.0								2.7	1.4	0.0	0.0	1.3	
17	3541010510	35C4	Nguy n M nh Linh	06/06/1992	3.0	6.0	7.0								5.3	2.7	9.0	4.5	7.2	
18	3545030185	35C4	Nguy n Quang L nh	28/07/1992	2.0	5.0	5.0								4.0	2.0	2.0	1.0	3.0	
19	3541010386	35C4	Nguy n V ã N t	05/09/1990	6.0	7.0	8.0								7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
20	3541010442	35C4	Nguy n Nh t Nguyên	25/08/1992	6.0	6.0	7.0								6.3	3.2	8.0	4.0	7.2	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C4 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014300204 - Thi t k C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3541010418	35C4	Tr n Thanh Phú	20/04/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	3541010445	35C4	Ph m Vấ Duy Ph ng	00/00/1992	3.0	4.0	6.0								4.3	2.2	8.0	4.0	6.2	
23	3545030482	35C4	ấ ồ Vấ Quang	14/08/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	3541010468	35C4	Nguy n Vấ Sang	27/01/1992	3.0	5.0	2.0								3.3	1.7	3.0	1.5	3.2	
25	3541010515	35C4	Nguy n Vấ Sanh	10/08/1993	3.0	2.0	0.0								1.7	0.9	4.0	2.0	2.8	
26	3541010394	35C4	Huinh Kim Tài	23/12/1993	5.0	3.0	5.0								4.3	2.2	5.0	2.5	4.7	
27	3541010408	35C4	ấ Tr ng Tâm	12/07/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3541010383	35C4	H Thanh Tu n	06/11/1992	3.0	5.0	5.0								4.3	2.2	5.0	2.5	4.7	
29	3541010444	35C4	Lê Anh Tú	18/10/1993	3.0	5.0	5.0								4.3	2.2	5.0	2.5	4.7	
30	3541010496	35C4	Ph m Vấ Qu c Thái	06/11/1991	7.0	7.0	6.0								6.7	3.4	8.0	4.0	7.3	
31	3541010393	35C4	Nguy n Vấ Th o	10/07/1990	9.0	8.0	8.0								8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
32	3545030071	35C4	L ² Tr ng Trí	20/02/1993	3.0	4.0	0.0								2.3	1.2	5.0	2.5	3.7	
33	3541010392	35C4	L ² H u Tr ng	1993	6.0	6.0	6.0								6.0	3.0	9.0	4.5	7.5	
34	3541010472	35C4	Nguy n Th ồ Trung	02/06/1993	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	3541010438	35C4	Tr n Ng c Trung	20/08/1993	6.0	5.0	6.0								5.7	2.9	7.0	3.5	6.3	
36	3440000083	35C4	Nguy n Huy V Ồ	01/08/1989	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3440000085	35C4	Qu ng ấ i V t	12/09/1985	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ng s : 37 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vi² n B M»n

Gi" o V Khoa